

BẢNG ĐIỂM SINH VIÊN

Học phần : 0671012-8 - Toán cao cấp

STC : 5(75,0,0,0,0,0)

Lần thi : 1

Lớp :

Năm học : 2013-2014

Học kỳ : 1

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
1	Võ Xuân	Trường	3673020021	27/04/1994	6,00	5,50	5,70	
2	Trần Nhất	Luân	3673020024	28/07/1993	4,00	5,00	4,70	
3	Nguyễn Chí	Tài	3673020088	18/10/1993	6,50	4,00	4,80	
4	Đỗ Thanh	Vinh	3673020097	24/01/1994	3,50	5,50	4,90	
5	Mai Hoàng Minh	Quý	3673020137	18/06/1993	6,00	6,30	6,20	
6	Nguyễn Văn	Tiến	3673020145	10/08/1994	4,50	5,50	5,20	
7	Trần Lý	Huỳnh	3673020185	08/10/1991	,00	,00	,00	Nợ HPC
8	Nguyễn Thị	Vân	3673020207	20/01/1994	6,00	6,50	6,40	
9	Võ Thành	Tài	3673020293	02/01/1994	4,00	4,30	4,20	
10	Đình Toàn	Thịnh	3673020312	15/01/1993	4,00	4,00	4,00	
11	Nguyễn Phạm Anh	Huy	3673020321	02/05/1994	5,50	5,00	5,20	
12	Trần Thị Ngọc	Diệp	3673020347	02/02/1994	5,00	5,00	5,00	
13	Nguyễn Thanh	Nguyên	3673020353	10/10/1994	6,00	7,30	6,90	
14	Dương Trường	Giang	3673020377	02/05/1994	5,00	6,00	5,70	
15	Nguyễn Quốc	Trí	3673020406	13/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
16	Trương Quốc	Hòa	3673020421	12/09/1994	5,00	4,50	4,70	
17	Lê Hoàng	Bảo	3673020430	07/01/1994	5,00	5,00	5,00	
18	Nguyễn Minh	Khang	3673020468	25/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
19	Phạm Minh	Mẫn	3673020479	11/11/1994	4,00	4,50	4,40	
20	Phạm Văn Hoàng	Kim	3673020481	20/04/1994	5,00	5,00	5,00	
21	Đặng Lục Ý	Nhi	3673020498	20/01/1994	5,00	6,50	6,10	
22	Phan Thuận	Tánh	3673020520	12/09/1994	5,50	8,50	7,60	
23	Đình Thị	Hiền	3673020582	30/09/1993	6,00	6,80	6,60	
24	Võ Thành	Nguyên	3673020611	05/07/1993	5,00	4,50	4,70	
25	Trần Nguyễn Thanh	Hải	3673020617	08/07/1993	4,50	4,50	4,50	
26	Lưu Tử	Kiên	3673020646	24/10/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
27	Đặng Thái	Dương	3673020653	05/10/1993	,00	,00	,00	Nợ HPC
28	Đỗ Minh	Quyền	3673020698	15/05/1994	5,00	3,00	3,60	
29	Huỳnh Thị Quỳnh	Như	3673020712	25/09/1994	5,00	4,50	4,70	
30	Trần Phúc	Nguyên	3673020716	03/09/1994	4,50	3,50	3,80	
31	Lê Thị Thùy	Trang	3673020759	02/06/1992	2,00	4,00	3,40	
32	Trần Quang	Thuận	3673020780	13/02/1994	5,00	4,50	4,70	
33	Nguyễn Thị Kim	Luyến	3673020790	18/05/1993	5,50	6,00	5,90	
34	Trần Văn	Hữu	3673020794	14/02/1994	5,50	5,50	5,50	
35	Nguyễn Ngọc	Danh	3673020810	30/03/1994	4,50	5,00	4,90	

STT	Họ và tên		MSSV	Ngày sinh	Điểm thi		Điểm TKHP	Ghi chú
					Giữa học kỳ	Cuối học kỳ		
36	Phạm Thái	Khang	3673020822	15/08/1994	,00	,00	,00	CAM T
37	Bùi Tiến	Sỹ	3673020837	18/02/1994	4,50	4,00	4,20	
38	Phan Duy	Kha	3673020858	07/05/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
39	Triệu Văn	Bạn	3673020867	1991	6,00	6,50	6,40	
40	Nguyễn Phi	Hùng	3673020888	07/07/1994	6,50	6,80	6,70	
41	Trần Văn	Vương	3673020894	27/07/1993	5,00	7,00	6,40	
42	Phạm Hoàng	Hải	3673020923	09/11/1993	3,50	4,00	3,90	
43	Nguyễn Hoàng	Vinh	3673020985	31/12/1994	4,50	4,50	4,50	
44	Nguyễn Thành	Mến	3673021001	09/09/1994	5,50	5,30	5,40	
45	Võ Duy	Hải	3673021039	25/05/1994	5,50	7,00	6,60	
46	Trương Văn	Hoàng	3673021060	20/08/1993	5,50	5,00	5,20	
47	Vũ Văn	Mạnh	3673021063	07/11/1994	5,50	8,00	7,30	
48	Huỳnh Phương	Vinh	3673021071	05/01/1994	6,00	6,80	6,60	
49	Nguyễn Đường	Thịnh	3673021074	03/02/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
50	Lê Công	Hiền	3673021113	20/10/1993	4,50	4,30	4,40	
51	Đặng Thị Thu	Thương	3673021127	25/04/1994	5,00	6,30	5,90	
52	Nguyễn Văn	Hùng	3673021149	20/04/1992	6,00	6,00	6,00	
53	Nguyễn Thị	Xuân	3673021195	22/12/1993	6,00	4,50	5,00	
54	Nguyễn Thị Trúc	Nguyên	3673021206	07/05/1994	5,50	6,00	5,90	
55	Phan Văn	Phú	3673021207	10/01/1993	5,00	6,50	6,10	
56	Phạm Thị Kiều	Anh	3673021219	25/08/1994	5,00	6,00	5,70	
57	Lê Công	Phường	3673021229	04/05/1994	4,50	6,00	5,60	
58	Ngô Quang	Tú	3673021249	19/07/1994	,00	,00	,00	Nợ HPC
59	Dương Thanh	Tuấn	3673021256	18/05/1994	5,50	6,00	5,90	
60	Lê Công	Huỳnh	3673021267	26/11/1994	6,00	6,00	6,00	
61	Mã Níp	Mần	3673021276	03/03/1994	7,00	6,50	6,70	
62	Nguyễn Thiên	Diệu	3673021288	12/01/1994	5,50	5,30	5,40	
63	Đinh Tiên	Phong	3673021459	05/11/1994	6,00	5,50	5,70	
64	Trần Văn	Thương	3673021461	17/12/1993	6,00	7,80	7,30	
65	Đỗ Xuân	Tùng	3673021522	16/10/1994	6,00	7,00	6,70	
66	Lê	Cường	3673022005	06/11/1994	3,50			

Tổng số : **SV**

TP. Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 01 năm 2014

Người lập bảng điểm
(Họ tên và chữ ký)

Phòng Quản Lý Đào Tạo
(Họ tên và chữ ký)